

VẤN ĐỀ TU TỪ VÀ DỊCH TU TỪ

Vũ Xuân Đoàn^(*)

Khi viết về tu từ, Đinh Trọng Lạc [3, tr.5] có phân biệt *phương tiện tu từ* với *biện pháp tu từ*. Theo đó phương tiện tu từ được hiểu là phương tiện ngôn ngữ có màu sắc tu từ, còn biện pháp tu từ là cách phối hợp sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để tạo ra hiệu quả tu từ.

Các phát ngôn sử dụng phương tiện và biện pháp tu từ có mục đích gây tác động tâm lý đối với người tiếp nhận phát ngôn, đồng thời chuyển tải một nội dung ngữ nghĩa cơ bản. Câu hỏi đặt ra cho dịch thuật là: trong hoàn cảnh phải chịu những bó buộc về thời gian, về những khác biệt văn hoá-ngôn ngữ, về yêu cầu cụ thể của từng tình huống giao tiếp, người dịch phải giải quyết thế nào mối quan hệ giữa nội dung thông tin và hiệu quả tu từ của các phát ngôn. Người dịch có nên dành ưu tiên cho nội dung ngữ nghĩa và cách diễn đạt mềm dẻo phù hợp với thói quen tiếp nhận thông tin của một đối tượng nào đó, trong khi giảm nhẹ tầm quan trọng của các biện pháp tu từ và phương tiện tu từ được sử dụng trong phát ngôn hay không.

Để làm rõ vấn đề nêu trên, chúng tôi sẽ nhận xét trước tiên về giá trị sử dụng của tu từ trong diễn ngôn, sau đó sẽ trình bày những ý kiến về dịch thuật liên quan đến tu từ.

A. NHẬN XÉT VỀ SỬ DỤNG TU TỪ

I. Tu từ thể hiện sắc thái chủ quan trong diễn ngôn

Ta có thể nói, trong diễn ngôn việc sử dụng tu từ thể hiện dụng ý cá nhân của người nói hoặc viết. Quả vậy, tu từ vốn được tác giả sử dụng không phải nhằm mục đích chuyển tải một thông tin khách quan về một sự vật, hiện tượng như vẫn có. Tu từ được sử dụng để có được hiệu quả tâm lý ở người tiếp nhận thông tin, để gây ấn tượng, để thu hút sự chú ý và qua đó có thể làm cho diễn ngôn tăng sức thuyết phục. Thực tế khách quan là một, nhưng khi được phản ánh qua các diễn ngôn có sử dụng tu từ ở những mức độ khác nhau thì có thể được nhìn nhận ở nhiều sắc thái khác nhau. Chẳng hạn như khi được diễn tả qua diễn ngôn có dùng ngoa dụ, thực tế khách quan sẽ tăng hoặc giảm tầm quan trọng. Nếu diễn ngôn sử dụng nhiều phép lặp, thực tế khách quan có thể trở nên nổi ám ảnh cho người tiếp nhận thông tin v.v. Ngoài tác dụng tạo nên một trạng thái tình cảm theo dụng ý của tác giả, tu từ còn tạo nên giá trị thẩm mỹ. Ví dụ phát ngôn: *'Anh ấy mặc áo màu đỏ, cười con ngựa màu trắng'* mang một nội dung thông tin đơn thuần, có tính khách quan. Cùng nội dung thông tin này, khi thể hiện trong *Chinh Phụ Ngâm* của Đặng Trần Côn, qua lời dịch của Đoàn thị Điểm, thì đó lại là:

^(*) TS, Khoa Tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

*Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in*

Với biện pháp so sánh trên đây, thi sĩ đã tạo lên một hình ảnh đẹp theo cách nhìn nhận của mình. Charles Bally [2, tr.170] đã chỉ ra rằng kiểu diễn đạt khác với cách bình thường có thể tạo dựng được giá trị thẩm mỹ, giá trị nghệ thuật. Đối với Patrick Baery [1, tr.24-26] tu từ được coi là cách sử dụng ngôn từ khác với chuẩn mực. Có thể chia những cách sử dụng này theo 3 loại:

1. Cách sử dụng ngôn từ chủ yếu nhằm thu hút sự chú ý, gây ấn tượng. (Sử dụng ngoa dụ, nghịch dụ v.v...)
2. Cách sử dụng ngôn từ với nhiều phép lặp. (Cách này, về thực chất cũng nhằm thu hút sự chú ý và gây ấn tượng.)
3. Cách sử dụng ngôn từ tác động đến giá trị nội hàm. (Cách này đem lại cho phát ngôn những giá trị ngữ nghĩa phong phú.

Như vậy, tu từ thể hiện ý tưởng chủ quan của tác giả. Văn bản nào sử dụng nhiều tu từ thì mang nhiều sắc thái chủ quan.

II. Những văn bản có nhiều tu từ

Những văn bản mang nhiều sắc thái chủ quan chủ yếu là các tác phẩm nghệ thuật. Ví dụ tác phẩm văn học, thơ ca, lời thoại của phim ảnh hoặc kịch. Hiện thực xã hội, qua lăng kính của các nhà văn, nhà thơ, đã được chọn lọc và hư cấu nghệ thuật nhằm thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan của tác giả. Bằng cách sử dụng tu từ, các tác giả thể hiện sự sáng tạo cá nhân ở nhiều bình diện.

Ngoài văn bản nghệ thuật, tu từ thường được sử dụng trong những văn bản ít nhiều có mục đích tâm lý, ví dụ như diễn văn chính trị, các bài cổ động, tuyên truyền v.v. Bài quảng cáo là một ví dụ điển hình trong trường hợp này. Với những phép lặp, so sánh, ẩn dụ và ngoa dụ sử dụng ồ ạt trong một thời gian rất ngắn, bài quảng cáo đã cố gắng thu hút được sự chú ý của công chúng và gây ấn tượng khó quên.

Các tác phẩm báo chí, ngoài chức năng chuyển tải thông tin thuần túy, cũng có lúc nhằm mục đích gây hiệu quả tâm lý qua cách sử dụng ngôn từ. Ví dụ như các bài xã luận, bình luận, phân tích sự kiện. Các bài này gây ảnh hưởng đến dư luận quần chúng không phải chỉ đơn thuần qua việc kể lại một cách khách quan các sự việc. Chính cách sắp xếp, phản ánh các hiện tượng theo một trình tự có lựa chọn cùng với việc sử dụng tu từ đã làm cho bài báo tăng cường khả năng lập luận, thuyết phục và tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm của người đọc. Trong các bài phóng sự, tu từ cũng được sử dụng khi nhà báo muốn bài viết của mình trở nên sống động, thể hiện được không khí thời sự.

Các diễn ngôn rất ít dùng, thậm chí bị cấm dùng biện pháp tu từ thường là những diễn ngôn muốn đảm bảo tính khách quan, mô tả chính xác sự vật hiện tượng, tránh những nhầm lẫn do suy diễn chủ quan đem lại. Đó là những diễn ngôn khoa học kỹ

thuật, pháp luật, thư từ hành chính, trao đổi thương mại theo quy định chuẩn mực, những bài báo cáo khoa học, nghiên cứu khoa học một cách khách quan.

B. VẤN ĐỀ DỊCH THUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TU TỪ

Việc sử dụng tu từ liên quan chặt chẽ đến tính chủ quan hoặc khách quan của văn bản. Khi nói đến việc trung thành với văn bản gốc, ta không thể bỏ qua việc trung thành với các tu từ. Nếu lược bỏ hoặc dịch không đúng các tu từ, người dịch sẽ phản lại dụng ý của tác giả. Nếu vô tình thêm vào các tu từ không đáng có, bản dịch có thể mất tính khách quan hoặc gây ra hiểu lầm.

Dịch tu từ tuân theo những thủ thuật nhất định song đều có đặc điểm chung là coi trọng việc xử lý các biện pháp sử dụng ngôn từ, thay vì chỉ cần xử lý các nội dung thông tin thuần túy của diễn ngôn. Ta không thể dịch tu từ theo lối tóm tắt hoặc giải thích. Ví dụ nếu dịch các nghịch dụ "*Chàng ngốc thông minh*" "*Lời nói dối chân thật*" bằng cách giải thích thì tu từ sẽ mất tác dụng nghệ thuật trong trường hợp được sử dụng để đặt tên cho một bộ phim hay một vở kịch.

Khi nghiên cứu cụ thể các phương pháp dịch tu từ, ta thấy có hai loại cơ bản: phương pháp xử lý từ vựng và phương pháp xử lý cú pháp. Những phương pháp này phụ thuộc vào bản chất của tu từ bởi vì có những tu từ được hình thành trên cơ sở lựa chọn về từ vựng, có những tu từ được hình thành dựa trên cơ sở kết hợp từ vựng hoặc tác động đến tổ chức câu. Mặt khác sự tồn tại của tu từ liên quan đến yếu tố văn hoá và thói quen sử dụng ngôn ngữ của từng cộng đồng. Xin đơn cử một số ví dụ về dịch thuật sau đây:

I. Dịch những tu từ đòi hỏi lựa chọn từ vựng

1. So sánh

Đây là tu từ đòi hỏi lựa chọn từ vựng, nghĩa là sự so sánh thành công phụ thuộc vào ở việc lựa chọn từ vựng một cách hợp lý. Sự lựa chọn này thể hiện ở hai bình diện: lựa chọn các từ có sự tương đồng với nhau và lựa chọn từ phù hợp với quan điểm văn hoá của người tiếp nhận văn bản dịch. Vì vậy, để có câu dịch chấp nhận được, người dịch đôi khi phải có một số thủ thuật cải biên cho phù hợp. Ta hãy xem xét ba trường hợp so sánh sau:

- *Anh ta đỏ như tôm luộc.*

- *Anh ta khoẻ như trâu.*

Đây là những kiểu so sánh thuần Việt. Sự tương đồng giữa A và B là "đỏ" ở câu thứ nhất và "khỏe" ở câu thứ hai. Việc lựa chọn từ vựng tác động chủ yếu đến yếu tố B là "tôm luộc" ở câu thứ nhất và "trâu" ở câu thứ hai. Khi dịch ra tiếng nước ngoài, cố gắng của người dịch tập trung chủ yếu vào việc lựa chọn một yếu tố B cho hợp lý. Trong hai ví dụ này, người Pháp dùng hình ảnh "con bò bị lột da" trong khi người Việt dùng "tôm luộc" để so sánh: *Il est rouge comme un boeuf écorché*. (Anh ta đỏ như con bò bị lột da). Người Pháp nói tới "Người Thổ Nhĩ Kỳ" trong khi người Việt dùng hình ảnh "trâu"

hoặc "voi" để so sánh với người có sức khoẻ: *Il est fort comme un Turc*. (Anh ta khoẻ như người Thổ Nhĩ Kỳ) v.v. Những cách thức lựa chọn từ vựng theo lối dịch cải biên này phổ biến đối với tất cả các thứ tiếng. Khó khăn chỉ xảy ra khi hai cộng đồng ngôn ngữ không có cùng ý tưởng hay cùng cảm nhận về một hiện tượng sẵn có.

Bên cạnh phương pháp dịch cải biên, còn có phương pháp dịch sao chép hoặc bắt chước. Người dịch có thể bắt chước lối diễn đạt trong văn hoá gốc. Ví dụ cách so sánh kiểu Pháp: *Blanc comme la neige* vẫn được dịch là *trắng như tuyết*. Kiểu diễn đạt thuần Việt phải là *trắng như bông*, hay là *trắng như trứng gà bóc*. Tuy nhiên, cách dịch so sánh bằng cụm từ trắng như tuyết đã được chấp nhận và khi dùng có thể giữ được màu sắc văn hoá của văn bản gốc. Ngoài các kiểu diễn đạt đã thành thói quen, còn có nhiều phép so sánh được tác giả sáng tạo ra trong khi nói và viết. Nhờ vào sự giao lưu văn hoá cũng như nhờ vào những tương đồng về nhân sinh quan và thế giới quan của các cộng đồng ngôn ngữ mà một số trường hợp dịch dập khuôn về mặt từ vựng cũng như dập khuôn cách diễn đạt vẫn có thể chấp nhận được. Ví dụ: *L'amour s'en va comme cette eau courante*. (Guillaume Appolinaire). Chúng tôi dịch là: *Tình yêu đi qua như dòng nước chảy*. Biện pháp so sánh này do tác giả sáng tạo ra, không có sẵn theo khuôn mẫu. Người dịch cũng có thể sáng tạo một kiểu so sánh trong khi tìm cho yếu tố A, một yếu tố B phù hợp với văn cảnh hoặc cách diễn đạt mềm dẻo hơn. Ví dụ câu trên chúng tôi có thể dịch là: *Tình yêu như nước chảy qua cầu* v.v.

2. Ẩn dụ

Khi dùng ẩn dụ người ta cũng cần lựa chọn từ vựng nhưng ở mức độ khó khăn hơn. Là một biện pháp so sánh ngầm, ẩn dụ không sử dụng từ dùng để so sánh. Ví dụ: *Công anh là công dã tràng*. Hơn thế nữa có những kiểu ẩn dụ trực tiếp (métaphore directe) chỉ có yếu tố dùng để so sánh (B) được kể đến trong phát ngôn, còn yếu tố được so sánh thì ẩn giấu. Người ta phải dựa vào ngữ cảnh mới hiểu được. Ví dụ khi nói rằng một cầu thủ giỏi của đội bóng nào đó hôm nay vắng mặt, có thể dùng phát ngôn: *Rivaldo hôm nay bị mệ*.

Cũng như phép so sánh, ẩn dụ cũng có loại được nhiều người sử dụng quen, cũng có loại được sáng tác theo tình huống giao tiếp. Có những ẩn dụ được quan điểm văn hoá chung của nhiều ngôn ngữ chấp nhận, cũng có ẩn dụ chỉ được một số ít cộng đồng ngôn ngữ hiểu và chấp nhận. Chính vì sinh ra từ những cảm nhận khác nhau về thực tế, từ những tưởng tượng, mơ mộng phong phú của từng cộng đồng ngôn ngữ nên ẩn dụ có thể gây nên những hiểu lầm trong văn bản dịch. Người ta không phải lúc nào cũng chắc chắn rằng giá trị hàm ẩn trong ẩn dụ được chuyển tải một cách đầy đủ qua thao tác dịch thuật.

Bên cạnh phép so sánh thông thường và ẩn dụ, có nhiều tu từ khác cũng đòi hỏi lựa chọn về từ vựng, chẳng hạn như hoán dụ, ngoa dụ v.v. Cũng có những tu từ vừa cần đến lựa chọn từ vựng, vừa đòi hỏi tổ chức sắp xếp và kết hợp giữa các từ được lựa chọn. Sau đây là một số ví dụ.

II. Dịch những tu từ đòi hỏi kết hợp từ vựng

Phép lặp từ, thế đồng nghĩa, nghịch dụ, đột giáng, tiệm tiến, tiệm thoái là các tu từ tiêu biểu đòi hỏi kết hợp giữa các từ để tạo nên một hiệu quả tu từ nhất định. Khi gặp phép lặp từ, người dịch buộc phải sử dụng nhiều từ giống nhau ở những vị trí cần thiết. Nếu gặp phép thế đồng nghĩa, ngoài việc lặp lại một số từ đã được sử dụng, còn phải tìm những từ đồng nghĩa thích hợp. Ví dụ ở tác phẩm *Tắt đèn*, hai nhân vật được Ngô Tất Tố mô tả trong một cuộc giằng co được gọi với những từ thay đổi như: *cai lệ, hấn, anh chàng nghiện / Chị Dậu, người đàn bà lực điền*. Cách sử dụng từ theo kiểu thế đồng nghĩa này đã làm cho đoạn văn trở nên sinh động. Chính vì vậy người dịch cũng phải lựa chọn một tổ hợp từ tương xứng trong văn bản dịch. Việc lựa chọn tổ hợp từ đặc biệt khó khăn khi người dịch gặp phải phép tiệm thoái hoặc tiệm tiến (gradation). Các từ được chọn lựa phải được sắp xếp sao cho có sự giảm dần hoặc tăng dần về nghĩa; như vậy mới đem lại cho diễn ngôn sức mạnh biểu cảm. Ví dụ trong lời kêu gọi kháng chiến của Bác Hồ, những từ như *súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy gộc* được sắp xếp theo kiểu tiệm thoái, khi kết hợp với phép lặp từ vựng đã làm tăng gấp bội sức thuyết phục của lời kêu gọi toàn dân tham gia kháng chiến.

Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước. (Trích Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến năm 1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh)

III. Dịch những tu từ sử dụng cấu trúc ngữ pháp

Các cấu trúc ngữ pháp được sử dụng một cách bất bình thường có thể tạo nên hiệu quả tu từ. Ví dụ như sử dụng những câu tỉnh lược, đảo đổi, sóng đôi (parallélisme syntaxique) v.v.

Việc sử dụng các cấu trúc sóng đôi có rất nhiều tác dụng: có thể làm đoạn văn trở nên nhịp nhàng, giàu nhạc tính, tạo nên một sự tương liên giữa các câu hoặc gọi lên cảm xúc về mối giao hoà, đồng điệu. Ví dụ cấu trúc sóng đôi được dùng để tả một cảnh vui vẻ rộn ràng khi đón cô dâu mới bên Pháp '*Dans l'arbre les oiseaux gazouillaient. Dans la rue les voitures cornaient*'. (Giono). (Chúng tôi dịch là *Trên cây chim kêu riu rít. Dưới đường xe hơi bấm còi từng nhịp.*)

Trong đoạn văn này, sức biểu cảm không chỉ nằm ở nội dung thông tin mà còn phụ thuộc vào cách sử dụng các cấu trúc ngữ pháp. Nếu ta thay đổi câu trúc ngữ pháp một cách tùy tiện, hiệu quả đặc biệt của đoạn văn sẽ mất tác dụng.

Nhiều tu từ có thể được kết hợp với nhau để tạo nên một hiệu quả mạnh mẽ. Trong ví dụ sau đây, sự kết hợp giữa lặp từ vựng và cấu trúc song song đã tạo nên một cảm giác căng thẳng, mệt mỏi, chán nản:

Dans le hall de l'hôtel, les journalistes *attendaient*. Dans la cour, trois chauffeurs *attendaient*, immobiles au volant de leurs autos ; de l'autre côté du Rhin, immobiles dans le hall de l'hôtel Dressen, de longs Prussiens vêtus de noirs *attendaient*. Milan Hlinka *n'attendait* plus. Il *n'attendait* plus depuis l'avant-veille. (Jean-Paul Sartre).

(Chúng tôi dịch là: *Trong tiền sảnh của khách sạn, các nhà báo chờ đợi. Ngoài sân, ba tài xế chờ đợi, im lìm sau tay lái. Phía bên kia sông Rhin, im lìm trong tiền sảnh của khách sạn Dressen, từng hàng dài lính Phổ mặc đồ đen chờ đợi. Milan Hlinka không chờ đợi nữa. Anh ta không chờ đợi nữa từ hôm qua rồi.*)

Trong đoạn văn này, về mặt hiển ngôn, không có từ nào nói về sự căng thẳng hay mệt mỏi. Tuy nhiên cảm giác về sự chán nản này vẫn được thể hiện rõ ràng khi người ta đọc hết đoạn văn. Chính các tu từ đã tạo nên tình trạng tâm lý theo dụng ý của tác giả. Nếu ta không giữ được các tu từ trong văn bản dịch, trích đoạn này sẽ không còn giá trị văn học. Điều này chứng tỏ rằng dịch trung thành với tu từ là rất cần thiết.

Kết luận

Tu từ và dịch tu từ là một vấn đề xứng đáng được tiếp tục nghiên cứu lâu dài. Trong khuôn khổ bài báo ngắn gọn này có thể kết luận vắn tắt rằng trong các văn bản thể hiện sự sáng tạo và ý tưởng chủ quan của tác giả, tu từ chiếm một vị trí không thể lược bỏ được. Chính vì vậy, trong thao tác dịch thuật, việc trung thành với tu từ là tất yếu. Việc dịch thành công các tu từ nhờ vào những phương pháp xử lý ngôn từ tinh tế của dịch giả và dựa trên cơ sở một số tương đồng về ngôn ngữ giữa các dân tộc. Nhờ có một số tương đồng này mà ta tránh được cách dịch theo lối giải thích có nguy cơ làm mất giá trị nghệ thuật hoặc giảm khả năng tác động tâm lý của diễn ngôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bacry, Patrick, *Les figures de style*, Belin, Paris, 1992.
2. Bally, Charles, *Traité de stylistique française*, Klincksieck, Paris, 1951
3. Đinh Trọng Lạc, *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo Dục, 1999.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.XVIII, N_o2, 2002

TRANSLATION OF DISCOURSE CONTAINING RHETORICAL FIGURES

Vu Xuan Doan Ph.D.

*Department of French
College of Foreign Languages*

We used rhetorical figures in discourse to create impression, increase persuasion and show subjective ideas. Rhetorical figures may be created basing on the vocabularies and grammatical structures which are used in particular ways. Because of that discourse with rhetorical figures can't be translated with summarising or explaining. The translating of rhetorical figures follows special ways of translating. The rate of fidelity to the original discourse may depend on the rhetorical figures' effects saved.